TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BC** THÀNH PHỐ H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 461/2024/DS-ST
Ngày: 16-07- 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BC, THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Phước Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền;

2. Bà Nguyễn Ngọc Thủy.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Xuân Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố H.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BC, Thành phố H tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Căn cứ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 300/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 308/QĐST-DS ngày 24 tháng 06 năm 2024, giữa các bên đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty X.

Địa chỉ trụ sở chính: 473Đ, phường A, quận BT, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật ông M - tổng giám đốc.

Địa chỉ liên lạc: Toà nhà Đ, phường A, quận BT, Thành phố H, ủy quyền cho ông Trần Văn T; ông Nguyễn Ý Q - theo Giấy ủy quyền số 348/2023/TB-WDTC ngày 27/12/2023 của Tổng giám đốc.

(Ông Q; ông T; ông Nghĩa là đại diện cho nguyên đơn, có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa).

- *Bị đơn:* Ông Lê Hùng P, sinh năm 1982.

Địa chỉ cư trú tại: Tổ C, ấp A, xã B, huyện BC, Thành phố H. (Ông P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2023, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Nguyên đơn Công ty X do ông Trần Văn T, ông Ngô Vĩnh N, ông Nguyễn Ý Q là người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 07 tháng 3 năm 2022, Công ty X đã ký hợp đồng mua bán nợ số 19/2022/TTCN/MAFC-W với Công ty X về khoản nợ của ông Lê Hùng P. Theo đó, vào ngày 25/3/2021 thì ông Lê Hùng P và Công ty X đã ký đơn Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2126303/HĐTD/KUNN ngày 24/03/2021 giữa bên cho vay là Công ty X với bên vay là ông Lê Hùng P. Nội dung là ông P vay số tiền: 34.815.000 đồng (ba mươi bốn triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng) và phí bảo hiểm là 1.815.000 đồng (một triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng). Với thời hạn là 24 tháng; Lãi suất: 39%/năm. Mục đích vay là sử dụng tiêu dùng sinh hoạt cá nhân. Mỗi tháng ông P phải góp 2.125.678 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm bảy mươi tám đồng). Sau khi vay nhận tiền, ông P đã thanh toán được 2 tháng, về sau không thực hiện đúng trả tiền như hợp đồng đã ký. Mặc dù Công ty X đã yêu cầu trả nợ và thực hiện nhắc nhở bằng nhiều biện pháp nhưng ông P vẫn không trả. Do đó, tính từ ngày 20/05/2021 cho đến nay, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 16/7/2024, ông Lê Hùng P cần phải thanh toán là: 83.043.442 đồng (Tám mươi ba triệu không trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng), trong đó gồm: Nợ gốc: 32.633.426 đồng (Ba mươi hai triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi sáu đồng); Nợ lãi: 50.410.016 đồng (Năm mươi triệu bốn trăm mười nghìn không trăm mười sáu đồng).

Nay, Nguyên đơn Công ty X khởi kiện yêu cầu Tòa án xử buộc ông Lê Hùng P phải trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 16/7/2024 là: 83.043.442 đồng (Tám mươi ba triệu không trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng). Trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả lãi phát sinh theo Hợp đồng cho đến khi thanh toán hết số nợ.

*** Tại phiên tòa hôm nay:**

- Nguyên đơn: Công ty X do ông Trần Văn T, ông Nguyễn Ý Q là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin đề nghị vắng mặt tại phiên tòa; Xét theo quy định tại các Điều 227, 228, 254 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, do đó Hội đồng xét xử đủ cơ sở tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

- Bị đơn: ông Lê Hùng P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được lời khai.

- Xét thấy tại phiên tòa, việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BC Thành phố H có ý kiến sau:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về thẩm quyền thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Tuy nhiên còn chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết:

- Theo nội dung đơn khởi kiện của Nguyên đơn Công ty X khởi kiện yêu cầu Tòa án xử buộc bị đơn ông Lê Hùng P phải trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 16/7/2024, ông Lê Hùng P cần phải thanh toán là: 83.043.442 đồng (Tám mươi ba triệu không trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng), trong đó gồm: Nợ gốc: 32.633.426 đồng (Ba mươi hai triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi sáu đồng); Nợ lãi: 50.410.016 đồng (Năm mươi triệu bốn trăm mười nghìn không trăm mười sáu đồng). Xét bị đơn ông Lê Hùng P có địa chỉ cư trú tại Tổ C, ấp A, xã B, huyện BC, Thành phố H. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 do đó vụ án thuộc thẩm giải quyết của Toà án nhân dân huyện BC, Thành phố H.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

- *Xét thấy quan hệ tranh chấp*: Căn cứ yêu cầu khởi kiện xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" hợp đồng được xác lập vào thời điểm năm 2021. Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 tại Điều 688 quy định "1. Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực pháp luật thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau. c) Giao dịch dân sự đã được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11(Bộ luật Dân sự 2005) và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết". Do đó vẫn phải áp

dụng là Bộ luật Dân sự năm 2015 và các quy định của pháp luật hiện hành làm căn cứ giải quyết vụ án.

- *Xét thời hiệu khởi kiện*: Căn cứ vào hợp đồng vay giữa bên cho vay Công ty X với bên vay là ông Lê Hùng P số 2126303/HĐTD/KUNN, ngày 24/3/2021. Sau khi vay bên vay không thực hiện nghĩa vụ vi phạm hợp đồng bên cho vay, có nhiều lần nhắc nhở yêu cầu trả nợ nhưng ông P vẫn không trả. Do đố, bên cho vay thực hiện khởi kiện là căn cứ vào Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định tại Điều 186 Quyền khởi kiện *"Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp khởi kiện vụ án (gọi chung là người khởi kiện), tại Tòa án có thẩm quyền yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình"*. Tại Điều 150 quy định về thời hiệu như sau: *"Thời hiệu khởi kiện là thời hiệu mà chủ thể được khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện"*. Do đó, Nguyên đơn Công ty X khởi kiện đối với ông Lê Hùng P là phù hợp có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Xét sự vắng mặt của bị đơn ông Lê Hùng P*: Mặc dù bị đơn ông P đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và hòa giải và kèm theo là tống đạt giấy triệu tập đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án theo quy định nhưng ông P vẫn không đến Tòa án theo giấy triệu tập để tham gia giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án lập biên bản ghi nhận sự việc tiến hành niêm yết theo thủ tục xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại các Điều 170, 171, 172, 173, 174, 177, 181, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 theo thủ tục chung.

[3]. Xét về nội dung tranh chấp:

- Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty X đối với ông Lê Hùng P về việc phải trả số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 16/7/2024, ông Lê Hùng P cần phải thanh toán là: 83.043.442 đồng (Tám mươi ba triệu không trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng), trong đó gồm: Nợ gốc: 32.633.426 đồng (Ba mươi hai triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi sáu đồng); Nợ lãi; 50.410.016 đồng (Năm mươi triệu bốn trăm mười nghìn không trăm mười sáu đồng) và tiền lãi phát sinh tiếp theo Hợp đồng là có cơ sở chấp nhận**. Bởi lẽ:**

- *Xét về chứng cứ*: Căn cứ hợp đồng là Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2126303/HĐTD/KUNN, ngày 24/3/2021 giữa bên cho vay là Công ty X với bên vay là ông Lê Hùng P. Nội dung đã ghi nhận đầy đủ các điều khoản hai bên đã thỏa thuận, cụ thể là số tiền vay: 34.815.000 đồng, (Ba mươi bốn triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng) và phí bảo hiểm là 1.815.000 đồng (Một triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng); Thời hạn: 24 tháng; Lãi suất: 39%/năm; Trả tiền hàng tháng là 2.125.678 đồng/1 tháng (Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm bảy mươi

tám đồng). Mục đích vay là: Tiêu dùng sinh hoạt cá nhân. Sau khi vay ông P đã thanh toán được 2 tháng, sau đó không trả mặc dù công ty đã nhiều lần nhắc nhở. Như vậy, bên ông P đã vi phạm hợp đồng và còn nợ lại số tiền vay và lãi suất phát sinh. Căn cứ các quy định của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 116 quy định về giao dịch dân sự *"Giao dịch dân sự là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự"*; Điều 119 về hình thức "*Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể*;...." Điều 463 về Hợp đồng vay tài sản *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả lại cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có có quy định"*. Điều 466 quy định về nghĩa vụ trả nợ cho bên cho vay "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc không trả đầy đủ thì bên vay phải trả lãi gồm trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tương ứng với thời gian vay chưa trả, trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này"*. Do đó yêu cầu khởi kiện của Công ty X đối với ông Lê Hùng P phải trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 16/7/2024 số tiền là 83.043.442 đồng (Tám mươi ba triệu không trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó gồm: Nợ gốc: 32.633.426 đồng (Ba mươi hai triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi sáu đồng); Nợ lãi: 50.410.016 đồng (Năm mươi triệu bốn trăm mười nghìn không trăm mười sáu đồng) và lãi phát sinh quy định tại Hợp đồng là có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét bị đơn ông Lê Hùng P trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật, nhưng bị đơn ông P vẫn không đến để trình bày ý kiến. Như vậy đủ cơ sở kết luận ông P không thiện chí hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về Nghĩa vụ chứng minh *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ việc"* nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện là phù hợp .

- *Xét về thời gian trả nợ*: Xét thấy số nợ đã quá lâu phần ông P không thiện chí phần nào gây khó khăn cho bên cho vay nên yếu cầu nguyên đơn Công ty X yêu cầu bị đơn phải trả ngay số tiền này một lần khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn ông Lê Hùng P phải nộp án phí dân sự có giá ngạch được tính trên số tiền phải trả là 83.043.442 đồng (Tám mươi ba triệu không trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng), x 5% = 4.152.172 đồng (Bốn triệu một trăm năm mươi hai nghìn một trăm bảy mươi hai đồng). Nguyên đơn Công ty X được nhận lại số tiền là 1.808.873 đồng (Một triệu tám trăm lẻ tám nghìn tám trăm bảy mươi ba đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0021013, ngày 27/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BC, Thành phố H.

[5]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 68, 70, 71, 91, 147, 186, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 118, 119, 146,149,150, 463, 466, 151, 468, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của các Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Căn cứ vào các Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào các Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty X.

2. Buộc ông Lê Hùng P phải trả cho Công ty X số tiền còn thiếu là 83.043.442 đồng *(*Bằng chữ: Tám mươi ba triệu không trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng) và tiền lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng.

3. Thi hành việc trả tiền là một lần, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Lê Hùng P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất

mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

5. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lê Hùng P phải nộp án phí là 83.043.442 đồng (Bằng chữ: Tám mươi ba triệu không trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng). Nguyên đơn Công ty X không phải nộp án phí và được nhận lại số tiền 1.808.873 đồng (Một triệu tám trăm lẻ tám nghìn tám trăm bảy ba đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0021013, ngày 27/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BC, Thành phố H.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Các đương sự nguyên đơn Công ty X có đại diện có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Lê Hùng P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Phước Trường

Nơi nhận:
- *TAND TP.HCM;*
- *VKSND H.Bình Chánh;*
- *CCTHADS H.Bình Chánh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VT, hồ sơ.*